TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/4/2018
"V/v Ly hôn giữa
Anh Đ và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Tấn Lộc.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án thụ lý số 505/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Anh Đ, chị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2017, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện chung sống năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M năm 2008. Sau khi cưới anh chị sống

hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H ghen tuông ảnh hưởng đến công việc làm của anh. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Nguyễn Tấn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Tấn C, sinh ngày 24/6/2007. Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh Nguyễn Tấn Đ về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn do điều kiện kinh tế và anh Đ thường xuyên đánh đập chị. Nay anh Đ xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Tấn C, sinh ngày 24/6/2007. Chị yêu cầu được nuôi con, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh Đ đồng ý để chị H nuôi con, anh cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Chị H không đồng ý ly hôn với anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị H. Chị H có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đ và chị H có đăng ký kết hôn năm 2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, anh Đ xin ly hôn với chị H căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Nguyễn Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy H sống chung có đăng ký kết hôn năm 2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị H không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, điều kiện về kinh tế khó khăn. Anh Đ đã có một lần nộp đơn xin ly hôn với chị H nhưng sau đó anh Đ rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm. Ngày 20/12/2017 Anh Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị H Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ. Anh Đ được ly hôn với chị H.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị H có hai con chung là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Tấn C, sinh ngày 24/6/2007. Cháu N và cháu C trình bày là hai cháu muốn sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, hai cháu còn đang đi học, hai cháu chưa thể tự lo cho cuộc sống của mình được và cần sự chăm sóc, yêu thương của chị H và anh Đ cũng đồng ý để hai cháu cho chị H nuôi. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Tấn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh Đ đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi của anh Đ. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N và cháu C đủ 18 tuổi và lao động được.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn Đ**.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Tấn C, sinh ngày 24/6/2007 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tấn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N và cháu C đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15135 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh Đ phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan